**Tiết 8. BIỆN PHÁP CHÊM XEN, BIỆN PHÁP LIỆT LÊ**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức**

**- Đặc điểm hình thức của bộ phận chêm xen và bộ phận liệt kê trong câu.**

**- Chức năng cơ bản của biện pháp chêm xen và biện pháp liệt kê.**

1. **Năng lực**

**\*Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ):**

– Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê.

– Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê để đọc hiểu và viết VB.

**\* Năng lực chung:**

**NL giao tiếp, hợp tác**: thể hiện qua hoạt động làm việc nhóm.

1. **Phẩm chất**

Trân trọng và yêu sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

1. **Học liệu**

Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra**

**3. Bài mới**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

1. **Mục tiêu:**

– Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến nội dung bài học.

– Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi về phép tu từ và đọc yêu cầu trong SGK về bài Thực hành tiếng Việt.

**c. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

1. . Kể tên các phép tu từ em đã học.

(2) Sau khi thực hiện xong nhiệm vụ (1), đọc nhanh nội dung phần *Tri thức Ngữ văn* (SGK/tr.37, 61) để xác định nhiệm vụ học tập.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

– Trước tiên, cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ (1).

– Sau khi báo cáo, nghe kết luận về nhiệm vụ (1), cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ (2).

**B3: Báo cáo thảo luận**

1,2 HS trả lời, các HS khác bổ sung nếu có.

**B4: Kết luận, nhận định**

– Đối với nhiệm vụ (1): GV ghi nhận những nội dung HS đã biết về biện pháp tu từ.

– Đối với nhiệm vụ (2): GV nhận xét câu trả lời của HS; giới thiệu bài học và nhiệm vụ học tập.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới và luyện tập**

**1. Hình thành kiến thức về biện pháp chêm xen và luyện tập.**

**1.1.Hình thành kiến thức về phép chêm xen**

1. **Mục tiêu:** Nhận biết các đặc điểm hình thức, chức năng của phép chêm xen.
2. **Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: GV yêu cầu nhóm đôi HS quan sát ngữ liệu trong mục Nhận biết biện pháp chêm xen trang 59 SGK sau và trả lời các câu hỏi:

1. Sáng nay, thằng lớn của tôi - **mười lăm tuổi,** lúc cho nó ăn đã sơ ý mở hết cửa, thế là nó vù đi.

(Nguyễn Quang Sáng, Con khướu sổ lồng).

2. Bởi vì…bởi vì…(**San cúi mặt và bỏ tiếng Nam dùng tiếng Pháp)**, người ta lừa dối anh.

(Nam Cao, Sống mòn).

3. Thanh định rõ nhìn: con mèo của bà chàng, **con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước.**

(Thạch Lam, Dưới bóng hoàng lan)

4. Cô bé nhà bên (**có ai ngờ**)

Cũng vào du kích

Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích

Mắt đen tròn (t**hương thương quá đi thôi)**

Giang Nam, Quê hương)

1. Đã nhìn thấy cây đàn ấy thì phải đánh - **đánh cái cuộc đời mình vào đấy-** để rồi xem nó ra được thành tiếng gì.

(Nguyễn Tuân, Chùa Đàn).

Nhiệm vụ

*+ Xác định vị trí và vai trò ngữ pháp của các cụm in đậm trong các ngữ liệu trên?*

*+ Tìm dấu câu tách biệt bộ phận đó.*

*+ Nêu tác dụng của bộ phận đó đối với việc bổ sung thông tin, biểu thị tình cảm, cảm xúc?*

2: Từ việc hoàn thành nhiệm vụ 1 hãy rút ra kết luận về khái niệm, dấu hiệu nhận biết của phép tu từ chêm xen.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.

B3: Báo cáo thảo luận

Đại diện 1–2 nhóm HS trình bày. Các nhóm khác nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

B4: Kết luận, nhận định

|  |
| --- |
| 1. **Biện pháp chêm xen** 2. Tìm hiểu ngữ liệu   - Vị trí: Ở giữa câu (ngữ liệu 1,2), cuối câu (ngữ liệu 3).  - Vai trò ngữ pháp: Đi kèm với chủ ngữ (ngữ liệu 1,4), vị ngữ (ngữ liệu 3,4,5), trạng ngữ (ngữ liệu 2); bổ sung ý nghĩa cho danh từ (ngữ liệu 1,3,4), cho quan hệ từ (ngữ liệu 2), cho động từ (ngữ liệu 5).  - Dấu câu tách biệt: Dấu gạch ngang và dấu phảy (ngữ liệu 1), dấu ngoặc đơn (ngữ liệu 2), dấu phẩy (ngữ liệu 3)…  - Tác dụng:  + Bổ sung thông tin: ngữ liệu 1,3,5  + Biểu thị tình cảm, cảm xúc: ngữ liệu 2,4   1. Kết luận   - Khái niệm: Chêm xen là xen một từ, một cụm từ vào câu nhằm giải thích, thêm ý cho câu hoặc hướng tới mục đích tu từ.  - Dấu hiệu nhận biết: Thành phần chêm xen có khi được đặt giữa câu, có khi được đặt cuối câu, được đánh dấu bằng dấu gạch ngang, dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy. |

**1.2. Luyện tập về phép chêm xen**

1. **Mục tiêu:**

– Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ chêm xen.

– Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chêm xen để đọc hiểu và viết VB.

1. **Nội dung:** Hoàn thành bài tập 1,2 trong SGK/tr.59

**c. Sản phẩm:** Nội dung trả lời bài tập 1,2 trong SGK/tr.59.

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Làm việc theo nhóm 4 -6 HS để trả lời bài tập 1 (SGK/tr.59).

Nhiệm vụ 2: Làm việc cá nhân để trả lời bài tập 2 (SGK/tr.59).

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Làm việc theo nhóm 4 -6 HS để trả lời bài tập 1 (SGK/tr.59).

Nhiệm vụ 2: Làm việc cá nhân để trả lời bài tập 2 (SGK/tr.59).

B3: Báo cáo thảo luận

- Nhiệm vụ 1: GV gọi đại diện 1–2 nhóm trình bày. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, trao đổi lại (nếu có).

- Nhiệm vụ 2: GV gọi 1–2 HS trình bày. Các HS còn lại nhận xét, bổ sung, trao đổi lại (nếu có). Dùng bảng kiểm 1 Đánh giá sản phẩm viết câu có sử dụng biện pháp chêm xen để nhận xét bài của bạn (đánh giá nhóm).

B4: Kết luận, nhận định

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Luyện tập**   **Bài tập 1:**  a) Biện pháp chêm xen trong cụm “bên ngoài trời nắng gắt” bổ sung thông tin cho hiện tượng nói đến trong vế trước: giải thích vì sao Thanh đổ mồ hôi.  b) Biện pháp chêm xen trong cụm “ngày nào” bổ sung thông tin về thời gian. Đồng thời, cụm “ngày nào” thể hiện trạng thái hồi tưởng, hoài niệm ở nhân vật. Nhờ thành phần này, hành động “nhớ lại” của Thanh trở nên hợp lí, và hình ảnh “bàn chân xinh xắn của Nga đi trên đó”sống động hơn trong kí ức Thanh.  c) Biện phép chêm xen trong cụm “người luôn ngờ vực về nhân thân của ông” bổ sung thông tin về đặc điểm của nhân vật Gia-ve. Giải thích rõ hơn bản chất con người công cụ của Gia -ve cũng như thái độ của Gia - ve đối với Giăng Van - giăng. Nhờ việc giải thích đó, mọi hành động quyết liệt, lạnh lùng của Gia - ve đối với Giăng Van Giăng trở nên dễ hiểu hơn.  **Bài tập 2: Gợi ý sản phẩm:**  - Nhân vật Phăng-tin luôn khao khát gặp con – đứa con gái đã thất lạc của chị - trước khi qua đời.  - Đối với Na-đi-a, dù sau này nàng đã có chồng – một viên thư ký hội đồng giám hộ quý tộc, thì kỷ niệm về ngày trượt tuyết cùng nhân vật “tôi” và những tiếng “anh yêu em” vẫn là những phút hạnh phúc nhất trong cuộc đời nàng.  - Nhân vật Thanh vẫn luôn cảm thấy bình yên và thong thả mỗi khi trở về ngôi nhà của bà – không gian thân thuộc đối với chàng.  **Tiêu chí đánh giá**  **Bảng kiểm 1: Đánh giá sản phẩm viết câu có sử dụng biện pháp chêm xen**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT |  | Có | Không | | 1 | Sử dụng biện pháp chêm xen một cách hợp lí (có bổ sung thông tin, giải thích, nêu tình cảm, cảm xúc,…) |  |  | | 2 | Câu đảm bảo về ngữ pháp. |  |  | | 3 | Nội dung đề cập đến vấn đề liên quan đến ba văn bản đã đọc trong bài. |  |  | |

**Nội dung 2. Hình thành kiến thức mới về phép liệt kê và luyện tập**

* 1. **Hình thành kiến thức mới về phép liệt kê.**

1. **Mục tiêu:**

Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê.

1. **Nội dung**

Tìm hiểu mục Nhận biết biện pháp liệt kê SGK trang 60

1. **Sản phẩm**

Phiếu học tập 1: Tìm hiểu ngữ liệu về phép liệt kê

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Hoàn thành phiếu HT 1: **Tìm hiểu ngữ liệu về phép liệt kê (Phụ lục 1)**

Nhiệm vụ 2: Từ việc hoàn thành phiếu HT 1, em hãy khái quát những đặc điểm của phép liệt kê vào bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phép liệt kê | | |
| Khái niệm | Dấu hiệu nhận diện | Mục đích (tác dụng) |
|  |  |  |

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm 5 HS hoàn thành.

B3: Báo cáo thảo luận

Đại diện 1-2 nhóm báo cáo; các nhóm khác bổ sung (nếu có).

B4: Kết luận, nhận định

1. **Phép liệt kê**
2. **Tìm hiểu ngữ liệu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Ngữ liệu | Thống kê số lượng đối tượng trong phần in đậm | Dấu hiệu hình thức để đánh dấu phần in đậm | Vị trí phần in đậm trong câu | Mục đích phần in đậm |
| 1 | Con vẫn đinh ninh ghi khắc công ơn sinh thành, dưỡng dục của **gia tộc, ông bà, cha mẹ, tổ tiên,** con như thấy từ trong tâm linh, huyết mạch sự sinh sôi, nẩy nở, phúc thọ an khang của cháu con đời đời nối tiếp trong cộng đồng dân tộc yêu thương.  (Ma Văn Kháng, Mùa lá rụng trong vườn) | 4 | Dấu phảy | Giữa câu | Nêu rõ những người mà “con” khắc ghi công ơn sinh thành, dưỡng dục.  -> Cung cấp thông tin. |
| 2 | Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - **là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trồng chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng…**  (Vũ Bằng, Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt) | 4 | Dấu gạch ngang, dấu phảy, dấu ba chấm | Cuối câu | Cụ thể hóa những đặc điểm của mùa xuân Hà Nội.  -> Cung cấp thông tin. |
| 3 | Người Huế có đủ cung bậc ngôn ngữ để diễn tả vị cay, bao gồm hết mọi giác quan, càng nói càng “sướng miệng”: **cay phỏng miệng, cay xé lưỡi, cay điếc mũi, cay chảy nước mắt, cay toát mồ hôi, cay điếc tai, cay điếc óc,…**  (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chuyện cơm hến) | 7 | Dấu hai chấm, dấu phảy, dấu ba chấm | Cuối câu | Cụ thể hóa các từ để diễn tả vị cay của người Huế.  -> Cung cấp thông tin. |
| 4 | Một số cây cối và động vật có tính cách tượng trưng: **con hạc và con nai thể hiện tuổi thọ, cây tre là đạo đức, cây mận là sức mạnh tinh thần và thể chất, cây cúc thể hiện hạnh phúc,v.v.**  (Nguyễn Văn Huyên, Văn minh Việt Nam) | 4 | Dấu hai chấm, dấu phảy, kí hiệu v.v. | Cuối câu | Cụ thể hóa cho ý: một số cây cối và động vật có tính cách tượng trưng.  -> Cung cấp thông tin. |
| 5 | Nhưng một điều bố thấy: khi nghe đến chuyện tuổi thơ của bố thì Khánh **chớp chớp mắt, rồi mắt đỏ lên, đang nói nhiều, trở thành im lặng; đang nghịch ngợm rong chơi trở nên hiền hậu chuyên cần; bài tập nham nhở trở thành chỉn chu; đang ăn mặc lôi thôi, diêm dúa trở thành gọn gàng, giản dị…**  (Duy Khán, Tuổi thơ im lặng). | 4 | Dấu chấm phẩy, dấu ba chấm | Cuối câu | Thể hiện cảm xúc, thái độ: bộc lộ những cảm xúc, sự thay đổi của nhân vật Khánh khi nghe đến chuyện tuổi thơ của bố. |
| 6 | **Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu.**  (Thép Mới, Cây tre Việt Nam) | 6 | Dấu chấm | Trong nhiều câu của đoạn văn | Cung cấp thông tin về những ý nghĩa của tre. Bộc lộ cảm xúc tự hào về vai trò của cây tre Việt Nam. |

1. **Kết luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phép liệt kê | | |
| Khái niệm | Dấu hiệu nhận diện | Mục đích (tác dụng) |
| Là nêu một chuỗi các thông tin cùng loại | Những từ ngữ chỉ chuỗi đối tượng được liệt kê có thể đặt ở giữa hoặc cuối câu. | - Cung cấp thông tin cụ thể hơn cho câu.  - Thể hiện cảm xúc, thái độ, cái nhìn của người viết. |

* 1. **Luyện tập về phép liệt kê**

1. **Mục tiêu:**

- Phân tích được tác dụng của phép liệt kê.

- Vận dụng phép liệt kê vào đọc hiểu và viết văn bản.

1. **Nội dung**

Hoàn thành bài tập 1,2 SGK trang 61

1. **Sản phẩm**

Nội dung trả lời các bài tập 1,2 trong SGK/tr.61

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu cá nhân HS làm bài tập 2 & 3 trong SGK/tr.61.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

B3: Báo cáo thảo luận

2–3 HS trình bày lần lượt kết quả làm bài tập 2 & 3 (SGK/tr.61

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét nội dung trả lời các bài tập của HS theo định hướng tham khảo sau. Dùng bảng kiểm 2 để cá nhân tự đánh giá bài làm của mình.

Bài 1 (trang 60, SGK Ngữ văn 10, tập 2)  
  
a) Phép liệt kê: Liệt kê hàng loạt những việc làm xấu xa của tên tướng giặc: chiếm miếu đền, giả mạo họ tên, quen dùng chước dối lừa, thích làm trò thảm ngược, Thượng Đế bị bưng bít, hạ dân bị quấy rầy,…

Tác dụng: Liệt kê kể ra hàng loạt các việc làm của tên tướng giặc nhằm mục đích nhấn mạnh những tội ác mà hắn đã gây ra.

b) Phép liệt kê: Liệt kê hàng loạt món ăn: gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, súp lơ xào thịt bò; gà quay ướp húng lìu, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vây.

Tác dụng: Liệt kê hàng loạt các món ăn nhằm nhấn mạnh sự phong phú, đa dạng của nền ẩm thực nước nhà mỗi dịp tết đến.

c) Phép liệt kê: liệt kê ngày tháng cùng các trận đánh.

Tác dụng: Việc liệt kê hàng loạt ngày tháng cùng các trận đánh tương ứng nhằm nhấn mạnh thời gian và sự việc diễn ra, thể hiện niềm tự hào về những chiến công của quân và dân ta.

Bài 2 (trang 61, SGK Ngữ văn 10, tập 2)  
  
- Đọc Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi, ta càng thêm tự hào vì những chiến công hiển hách của nghĩa quân Lam Sơn qua các trận đánh: trận Chi Lăng, trận Mã An, trận Tây Kinh, Đông Đô, Tốt Động…

- Trong Bảo kính cảnh giới, Nguyễn Trãi đã đem đến cho độc giả một cái nhìn mới về mùa hè, không còn là nắng gặt, phượng hồng, mà là hòe lục, thạch lựu hiên, hồng liên trì,…

- Tác phẩm Dưới bóng hoàng lan đã đem đến cho người đọc một khung cảnh yên bình qua vùng thiên nhiên vùng quê với con đường gạch rêu phủ, bức hoa tường thấp yên tĩnh, giàn thiên lí hoa thơm, cùng cây hoàng lan bóng tỏa.

Bảng kiểm 2: **Đánh giá sản phẩm viết câu có sử dụng biện pháp liệt kê**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT |  | Có | Không |
| 1 | Sử dụng biện pháp liệt kê một cách hợp lí (có bổ sung thông tin, giải thích, nêu tình cảm, thái độ,…) |  |  |
| 2 | Câu đảm bảo về ngữ pháp. |  |  |
| 3 | Nội dung đề cập đến vấn đề liên quan đến ba văn bản đã đọc trong bài. |  |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

1. **Mục tiêu:**

– Khái quát được nội dung chính của bài học.

– Rút ra được những lưu ý khi vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê và đoạn văn vào thực tế giao tiếp (đọc hiểu và viết VB)

1. **Nội dung**

Trả lời câu hỏi khái quát nội dung chính bài học

1. **Sản phẩm**

Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu nhóm đôi  HS và trả lời câu hỏi:

+ *Em đã rút ra được những lưu ý gì khi sử dụng hiểu biết về biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê trong khi đọc và viết VB?*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm đôi  HS thực hiện nhiệm vụ.

B3: Báo cáo thảo luận

Đại diện 1–2 nhóm HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các nhóm HS khác nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).

B4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét sản phẩm học tập của HS; trên cơ sở đó hướng dẫn HS rút ra một số lưu ý tham khảo sau:

– Khi đọc, HS chú ý dấu hiệu nhận biết của biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê:

|  |  |
| --- | --- |
| **Biện pháp tu từ** | **Dấu hiệu nhận biết** |
| Chêm xen | Đặt giữa câu, có khi được đặt cuối câu, được đánh dấu bằng dấu gạch ngang, dấu ngoặc đơn hoặc dấu phẩy. |
| Liệt kê | Những từ ngữ chỉ chuỗi đối tượng được liệt kê có thể đặt ở giữa hoặc cuối câu. |

Biện pháp tu từ chêm xen, liệt kê hỗ trợ tốt cho quá trình đọc suy luận, nắm bắt được thông tin một cách chính xác, hiểu được cảm xúc được thể hiện trong văn bản.

…

– Khi viết:

+ Muốn bổ sung thông tin cần thiết hoặc bộc lộ **cảm xúc của cá nhân** => dùng biện pháp tu từ chêm xen.

+ Muốn diễn tả những khía cạnh khác nhau của thực tế, tư tưởng, tình cảm; tạo ấn tượng mạnh về hình ảnh và **cảm xúc cho người đọc** => dùng biện pháp tu từ liệt kê.

**Phụ lục (Phiếu học tập)**

**Phiếu 1: Tìm hiểu ngữ liệu về phép liệt kê**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Ngữ liệu | Thống kê số lượng đối tượng trong phần in đậm | Dấu hiệu hình thức để đánh dấu phần in đậm | Vị trí phần in đậm trong câu | Mục đích phần in đậm |
| 1 | Con vẫn đinh ninh ghi khắc công ơn sinh thành, dưỡng dục của **gia tộc, ông bà, cha mẹ, tổ tiên,** con như thấy từ trong tâm linh, huyết mạch sự sinh sôi, nẩy nở, phúc thọ an khang của cháu con đời đời nối tiếp trong cộng đồng dân tộc yêu thương.  (Ma Văn Kháng, Mùa lá rụng trong vườn) | 4 | Dấu phảy | Giữa câu | Nêu rõ những người mà “con” khắc ghi công ơn sinh thành, dưỡng dục.  -> Cung cấp thông tin. |
| 2 | Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội - **là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trồng chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng…**  (Vũ Bằng, Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt) |  |  |  |  |
| 3 | Người Huế có đủ cung bậc ngôn ngữ để diễn tả vị cay, bao gồm hết mọi giác quan, càng nói càng “sướng miệng”: **cay phỏng miệng, cay xé lưỡi, cay điếc mũi, cay chảy nước mắt, cay toát mồ hôi, cay điếc tai, cay điếc óc,…**  (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chuyện cơm hến) |  |  |  |  |
| 4 | Một số cây cối và động vật có tính cách tượng trưng: **con hạc và con nai thể hiện tuổi thọ, cây tre là đạo đức, cây mận là sức mạnh tinh thần và thể chất, cây cúc thể hiện hạnh phúc,v.v.**  (Nguyễn Văn Huyên, Văn minh Việt Nam) |  |  |  |  |
| 5 | Nhưng một điều bố thấy: khi nghe đến chuyện tuổi thơ của bố thì Khánh **chớp chớp mắt, rồi mắt đỏ lên, đang nói nhiều, trở thành im lặng; đang nghịch ngợm rong chơi trở nên hiền hậu chuyên cần; bài tập nham nhở trở thành chỉn chu; đang ăn mặc lôi thôi, diêm dúa trở thành gọn gàng, giản dị…**  (Duy Khán, Tuổi thơ im lặng). |  |  |  |  |
| 6 | **Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu.**  (Thép Mới, Cây tre Việt Nam) |  |  |  |  |